

Sơn Tây, ngày 09 tháng 01 năm 2026

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý công ty

Căn cứ Luật đấu thầu số: 22/2023/QH15 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số: 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ ban hành về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Để đáp ứng nhu cầu công việc khám chữa bệnh tại đơn vị. Bệnh viện đa khoa Sơn Tây đang có nhu cầu thuê đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc, phân tích các chỉ tiêu môi trường năm 2025 với danh mục và số lượng cần phân tích cụ thể như sau:

| STT | Nội dung                                        | Đơn vị tính | Số lượng | Tần suất |
|-----|-------------------------------------------------|-------------|----------|----------|
| A   | Chi phí lấy mẫu và phân tích                    |             |          |          |
| I   | Chi phí lấy mẫu và phân tích mẫu không khí      |             |          |          |
| 1   | Nhiệt độ                                        | Mẫu         | 4        | 4        |
| 2   | Độ ẩm                                           | Mẫu         | 4        | 4        |
| 3   | Tốc độ gió                                      | Mẫu         | 4        | 4        |
| 4   | Tổng bụi lơ lửng (TSP)                          | Mẫu         | 4        | 4        |
| 5   | CO                                              | Mẫu         | 4        | 4        |
| 6   | SO <sub>2</sub>                                 | Mẫu         | 4        | 4        |
| 7   | NO <sub>2</sub>                                 | Mẫu         | 4        | 4        |
| 8   | NH <sub>3</sub>                                 | Mẫu         | 4        | 4        |
| 9   | H <sub>2</sub> S                                | Mẫu         | 4        | 4        |
| II  | Chi phí lấy mẫu và phân tích mẫu nước nước thải |             |          |          |
| 1   | pH                                              | Mẫu         | 2        | 4        |
| 2   | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)                     | Mẫu         | 2        | 4        |
| 3   | Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> )        | Mẫu         | 2        | 4        |
| 4   | Nhu cầu oxi hóa học (COD)                       | Mẫu         | 2        | 4        |
| 5   | Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P)     | Mẫu         | 2        | 4        |
| 6   | Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N)        | Mẫu         | 2        | 4        |
| 7   | Sunfua (S <sup>2-</sup> )                       | Mẫu         | 2        | 4        |
| 8   | Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N)         | Mẫu         | 2        | 4        |
| 9   | Dầu, mỡ động thực vật                           | Mẫu         | 2        | 4        |
| 10  | Coliform                                        | Mẫu         | 2        | 4        |
| 11  | Tổng hoạt độ phóng xạ α*                        | Mẫu         | 2        | 4        |

|            |                                                       |      |   |   |
|------------|-------------------------------------------------------|------|---|---|
| 12         | Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta^*$                       | Mẫu  | 2 | 4 |
| 13         | Salmonella*                                           | Mẫu  | 2 | 4 |
| 14         | Shigella*                                             | Mẫu  | 2 | 4 |
| 15         | Vibrio cholera*                                       | Mẫu  | 2 | 4 |
| <b>III</b> | <b>Chi phí lấy mẫu và phân tích mẫu nước nước mặt</b> |      |   |   |
| 1          | Nhiệt độ                                              | Mẫu  | 1 | 4 |
| 2          | Độ màu                                                | Mẫu  | 1 | 4 |
| 3          | Độ mùi <sup>(#)</sup>                                 | Mẫu  | 1 | 4 |
| 4          | Amoni ( $\text{NH}_4^+ -\text{N}$ )                   | Mẫu  | 1 | 4 |
| 5          | Clorua ( $\text{Cl}^-$ )                              | Mẫu  | 1 | 4 |
| 6          | Florua ( $\text{F}^-$ )                               | Mẫu  | 1 | 4 |
| 7          | Nitrit ( $\text{NO}_2^- -\text{N}$ )                  | Mẫu  | 1 | 4 |
| 8          | Nitrat ( $\text{NO}_3^- -\text{N}$ )                  | Mẫu  | 1 | 4 |
| 9          | Phosphat ( $\text{PO}_4^{3-} -\text{P}$ )             | Mẫu  | 1 | 4 |
| 10         | Đồng (Cu)                                             | Mẫu  | 1 | 4 |
| 11         | Chì (Pb)                                              | Mẫu  | 1 | 4 |
| 12         | Cadimi (Cd)                                           | Mẫu  | 1 | 4 |
| 13         | Sắt (Fe)                                              | Mẫu  | 1 | 4 |
| 14         | Kẽm (Zn)                                              | Mẫu  | 1 | 4 |
| 15         | Thủy ngân (Hg)                                        | Mẫu  | 1 | 4 |
| 16         | Asen (As)                                             | Mẫu  | 1 | 4 |
| 17         | Niken (Ni)                                            | Mẫu  | 1 | 4 |
| 18         | Crom III ( $\text{Cr}^{3+}$ ) <sup>(#)</sup>          | Mẫu  | 1 | 4 |
| 19         | Chất hoạt động bề mặt                                 | Mẫu  | 1 | 4 |
| 20         | Tổng Phenol                                           | Mẫu  | 1 | 4 |
| 21         | Xyanua ( $\text{CN}^-$ )                              | Mẫu  | 1 | 4 |
| 22         | Dầu, mỡ động thực vật <sup>(#)</sup>                  | Mẫu  | 1 | 4 |
| 23         | E.Coli                                                | Mẫu  | 1 | 4 |
| 24         | pH                                                    | Mẫu  | 1 | 4 |
| 25         | Hàm lượng oxy hòa tan (DO)                            | Mẫu  | 1 | 4 |
| 26         | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)                           | Mẫu  | 1 | 4 |
| 27         | Nhu cầu oxy hóa học (COD)                             | Mẫu  | 1 | 4 |
| 28         | Nhu cầu oxy sinh hóa ( $\text{BOD}_5$ )               | Mẫu  | 1 | 4 |
| 29         | Tổng Nitơ                                             | Mẫu  | 1 | 4 |
| 30         | Coliform                                              | Mẫu  | 1 | 4 |
| <b>B</b>   | <b>Chi phí thực hiện</b>                              |      |   |   |
| 1          | Chi phí thuê xe                                       | ca   | 1 | 4 |
| 2          | Nhân công thực hiện                                   | công | 2 | 4 |

Vậy đề nghị quý Công ty cung cấp gửi báo giá về địa chỉ Bệnh viện đa khoa Sơn Tây, số 304A Lê lợi - Phường Sơn Tây - TP Hà Nội trước ngày 19/01/2026

Đề bệnh viện có thể hoàn thiện các bước tiếp theo trong hợp đồng sớm nhất.  
Mọi chi tiết xin liên hệ: Trịnh Tiến Xuân - phòng TCHC. SĐT: 0988092077.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;

 **GIÁM ĐỐC**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Vũ Đức Minh*

